

Số: /QĐ-UBND Hà Nam, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ
“Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Hà Nam, giai đoạn đến năm 2025”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1557/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025;

Theo Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán nhiệm vụ Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Hà Nam, giai đoạn đến năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 495/TTr-STNMT ngày 27 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả nhiệm vụ “Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Hà Nam, giai đoạn đến năm 2025” (tính đến 31 tháng 12 năm 2024) như sau:

1. Về số lượng nguồn nước mặt

- Kiểm kê được số lượng nguồn nước mặt nội tỉnh là các sông, suối gồm: 8 sông, suối nội tỉnh;
- Kiểm kê được số lượng nguồn nước mặt là kênh, mương gồm 685 kênh, mương;
- Kiểm kê được số lượng nguồn nước mặt là hồ, ao, đầm gồm 531 hồ, ao, đầm.

2. Về chất lượng nguồn nước mặt trên các nguồn nước nội tỉnh

Theo kết quả đánh giá chất lượng nước mặt WQI cho thấy: Chất lượng nước mặt 8 sông, suối nội tỉnh và 2 hồ (Tam Chúc, Chùa Bàu) đa phần đạt từ 83 đến 99, tương ứng chất lượng nước từ tốt đến rất tốt. Tuy nhiên điểm có chất lượng thấp nhất chỉ số WQI đạt 49 là nước hồ Chùa Bàu (tháng 7/2024), WQI từ 63-75 chủ yếu là nước hồ Chùa Bàu (tháng 4,8,9 năm 2024) và hồ Tam Chúc (tháng 4,7,9 năm 2024), giá trị WQI chủ yếu từ 83-90 là nước hồ Chùa Bàu (tháng 1,2,3,6 năm 2024), hồ Tam Chúc (tháng 1,3,5,6,8 năm 2024), suối tổ Ba Sao (TT. Ba Sao, huyện Kim Bảng), sông Tân Hòa (huyện Bình Lục), sông Biên Hòa tại thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục và huyện Thanh Liêm, sông Long Xuyên tại xã Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân. Các điểm có chất lượng nước rất tốt (>90) chủ yếu tập trung ở các nguồn nước của các suối tổ 6,7 Ba Sao, suối Ngang, suối tổ 2 Ba Sao, suối tổ 1 và các vị trí khác trên sông Long Xuyên, sông Biên Hòa trên địa bàn các huyện của tỉnh Hà Nam, các đợt lấy mẫu nước có chất lượng nước rất tốt.

3. Về khai thác, sử dụng nước mặt trên các nguồn nước nội tỉnh

Kiểm kê được số lượng công trình khai thác, sử dụng nước mặt trên phạm vi thuộc 08 sông, suối nội tỉnh có tổng số 105 công trình khai thác, sử dụng nước mặt với tổng lưu lượng 43,2m³/s; trong đó có 48 công trình trạm bơm, với tổng lưu lượng 41,744 m³/s; 57 công trình công lấy nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp có lưu lượng 1,44 m³/s; huyện Lý Nhân có tổng số công trình khai thác sử dụng lớn nhất với 42 công trình khai thác và nhỏ nhất tại huyện Kim Bảng với 01 công trình khai thác.

4. Về xả nước thải vào nguồn nước trên các nguồn nước nội tỉnh:

Kiểm kê được số lượng công trình xả thải >5m³/ngày đêm trên phạm vi thuộc 8 sông, suối nội tỉnh là 31 điểm xả thải với tổng lưu lượng 1.010 m³/ngày đêm; trong đó: Thành phố Phủ Lý: 03 điểm, với tổng lưu lượng 55 m³/ngày đêm; huyện Lý Nhân: 11 điểm, với tổng lưu lượng 675 m³/ngày đêm; huyện Bình Lục: 11 điểm, với tổng lưu lượng 239 m³/ngày đêm; huyện Thanh Liêm: 01 điểm với tổng lưu lượng 10 m³/ngày đêm; huyện Kim Bảng: 05 điểm với tổng lưu lượng 31 m³/ngày đêm. Loại hình nước thải sinh hoạt có lưu lượng lớn nhất chiếm 63%, loại hình nước thải y tế có lưu lượng nhỏ nhất chiếm 1%.

(Hồ sơ kèm theo gồm: Báo cáo thuyết minh kết quả kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Hà Nam, giai đoạn đến năm 2025; Báo cáo tóm tắt; Các báo cáo chuyên đề (Báo cáo kiểm kê về tài nguyên nước mặt; Báo cáo kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt; Báo cáo kiểm kê hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước); Bản đồ các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước mặt; Bản đồ các chỉ tiêu kiểm kê khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt; Bản đồ các chỉ tiêu kiểm kê xả nước thải vào nguồn nước; Văn bản góp ý của các Sở, ngành; Phụ lục tiếp thu, giải trình của các Sở, ngành, địa phương).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ, số liệu, kết quả thực hiện nhiệm vụ “Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Hà Nam, giai đoạn đến năm 2025”;

- Gửi kết quả “Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Hà Nam, giai đoạn đến năm 2025” về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp theo quy định.

- Cập nhật kết quả “Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Hà Nam, giai đoạn đến năm 2025” vào phần mềm quản lý, khai thác dữ liệu kiểm kê tài nguyên nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý, phổ biến và sử dụng kết quả “Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Hà Nam, giai đoạn đến năm 2025” hiệu quả, hợp lý, đảm bảo quy định.

- Định kỳ 05 năm hoặc khi có sự điều chỉnh liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong các quy hoạch, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, cập nhật, bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo việc công khai và cung cấp kết quả kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Hà Nam, giai đoạn đến năm 2025 cho các tổ chức, cá nhân để sử dụng thống nhất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TT&TT (để đăng tải Cổng TTĐT tỉnh);
- VPUB: LĐVP, TH, NNTNMT, KT;
- Lưu: VT, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH